

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

CHÍNH THỨC

22 - 10 - 2009

**CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
VINAMILK**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

TỪ NGÀY 01/01/2009 ĐẾN NGÀY 30/9/2009

(DẠNG ĐẦY ĐỦ)

TP Hồ Chí Minh, tháng 10 - 2009

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

NỘI DUNG

	Trang
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	03
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	11

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*(Dạng đầy đủ)**Tại ngày 30 tháng 9 năm 2009***MÃ SỐ B 01a-DN**

Đơn vị tính : VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		4.118.454.213.574	3.160.210.079.635
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	207.988.416.426	329.545.163.667
1. Tiền	111		207.988.416.426	124.287.782.342
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	205.257.381.325
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.912.401.169.592	374.002.285.692
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	1.992.795.151.992	496.998.072.070
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129	V.3	(80.393.982.400)	(122.995.786.378)
III. Các khoản phải thu	130		752.390.129.966	648.726.546.626
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	562.566.988.863	530.133.730.820
2. Trả trước cho người bán	132		140.004.344.482	75.318.343.607
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	137		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	V.5	50.084.584.033	43.407.581.611
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139	V.6	(265.787.412)	(133.109.412)
IV. Hàng tồn kho	140		931.630.309.307	1.755.359.449.757
1. Hàng tồn kho	141	V.7	943.764.725.657	1.767.372.623.913
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	V.8	(12.134.416.350)	(12.013.174.156)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		314.044.188.283	52.576.633.893
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	58.731.849.813	31.117.949.257
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		24.011.931.608	19.181.303.206
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.10	226.000.000.000	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		5.300.406.862	2.277.381.430

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
*Tại ngày 30 tháng 9 năm 2009***MẪU SỐ B01a-DN***Đơn vị tính : VNĐ*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.299.919.970.538	2.724.885.884.959
(200 = 210+220+240+250+260)				
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.963.348.920	28.605.894.723
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		2.963.348.920	28.605.894.723
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.990.906.523.177	1.804.744.888.756
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	1.634.824.824.524	1.413.525.263.202
- Nguyên giá	222		2.844.983.319.449	2.479.272.612.215
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.210.158.494.925)	(1.065.747.349.013)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	27.010.621.054	35.017.369.138
- Nguyên giá	228		66.488.859.797	63.565.277.317
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(39.478.238.743)	(28.547.908.179)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	329.071.077.599	356.202.256.416
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.043.546.481.398	647.899.511.949
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.14	174.800.000.000	135.694.129.576
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.15	23.701.955.551	131.749.205.551
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.16	927.506.793.440	495.807.313.800
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259	V.17	(82.462.267.593)	(115.351.136.978)
V. Tài sản dài hạn khác	260		262.503.617.043	243.635.589.531
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.18	192.402.067.876	195.338.108.061
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		69.071.303.927	47.275.236.230
3. Tài sản dài hạn khác	268		1.030.245.240	1.022.245.240
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (100+200)	270		7.418.374.184.112	5.885.095.964.594

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)*Tại ngày 30 tháng 9 năm 2009***MẪU SỐ B01a-DN***Đơn vị tính : VND*

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+320)	300		1.322.425.755.709	1.121.759.318.829
I. Nợ ngắn hạn	310		1.079.177.284.959	939.887.883.342
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.19	77.927.436.000	188.221.936.000
2. Phải trả người bán	312	V.20	400.021.930.898	491.912.069.705
3. Người mua trả tiền trước	313		21.428.683.393	5.914.899.179
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.21	303.292.402.719	64.153.193.539
5. Phải trả người lao động	315		49.504.011.446	3.044.487.460
6. Chi phí phải trả	316	V.22	189.803.687.755	143.655.326.096
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.23	37.199.132.748	42.985.971.363
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		243.248.470.750	181.871.435.487
1. Phải trả dài hạn người bán	331		100.650.593.926	93.612.316.987
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		92.000.000.000	30.000.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.24	14.945.154.000	22.417.731.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		35.652.722.824	35.841.387.500
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+420)	400	V.25	6.095.948.428.403	4.763.336.645.765
I. Vốn chủ sở hữu	410		5.917.217.266.479	4.667.138.594.626
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		3.512.653.000.000	1.752.756.700.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	1.064.948.051.177
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		(154.222.000)	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.659.243.270.291	869.697.027.622
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		187.493.124.438	175.275.670.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		557.982.093.750	804.461.145.827
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		178.731.161.924	96.198.051.139
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		178.731.161.924	96.198.051.139
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (300+400)	440		7.418.374.184.112	5.885.095.964.594

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**MẪU SỐ B01a-DN**

Đơn vị tính : VNĐ

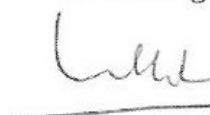
CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ gia công		273.939.544	236.130.220
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại: USD		1.698.514,91	1.896.238,64
EUR		491,90	3.843,23
AUD		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập



Nguyễn Việt Hùng

Kế toán trưởng



Lê Thành Liêm



Lập ngày 22 tháng 10 năm 2009

Tổng Giám Đốc

Mai Kiều Liên

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**(Dạng đầy đủ)****Quý III năm 2009****MẪU SỐ B02a-DN**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	3.061.073.962.857	2.178.402.559.807	7.917.512.794.187	6.111.103.070.015
2. Các khoản giảm trừ	3	VI.1	56.738.499.992	55.588.368.801	150.717.960.040	131.963.591.646
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 – 03)	10	VI.1	3.004.335.462.865	2.122.814.191.006	7.766.794.834.147	5.979.139.478.369
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.862.002.880.285	1.433.641.118.347	4.956.209.525.404	4.044.580.814.635
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 – 11)	20		1.142.332.582.580	689.173.072.659	2.810.585.308.743	1.934.558.663.734
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	73.151.112.510	37.012.878.488	208.736.426.629	216.590.382.265
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	(24.134.799.560)	39.993.863.911	19.790.136.642	219.544.849.387
<i>Trong đó : Chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.016.917.790</i>	<i>3.420.593.038</i>	<i>3.264.880.631</i>	<i>22.331.484.361</i>
8. Chi phí bán hàng	24	VI.8	333.524.075.714	291.822.521.333	862.310.590.945	722.779.485.600
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.8	70.811.010.729	55.365.373.744	197.022.707.021	171.505.760.279

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

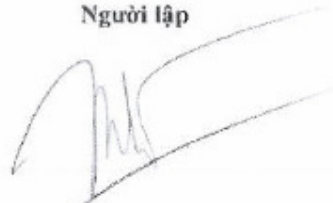
Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

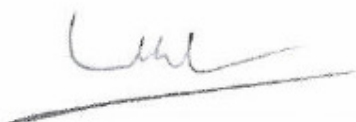
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21-22) – (24+25)}	30		835.283.408.207	339.004.192.160	1.940.198.300.764	1.037.318.950.734
11. Thu nhập khác	31	VI.5	73.262.002.955	32.169.388.161	120.984.953.094	95.313.991.318
12. Chi phí khác	32	VI.6	45.007.263.171	622.911.051	46.065.069.756	2.201.762.082
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 – 32)	40		28.254.739.784	31.546.477.110	74.919.883.338	93.112.229.236
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		863.538.147.991	370.550.669.270	2.015.118.184.102	1.130.431.179.970
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		131.339.977.955	43.443.714.047	261.506.347.517	125.975.241.586
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		1.524.406.920	(8.743.930.576)	(21.796.067.697)	(18.516.566.382)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 – 51-52)	60		730.673.763.116	335.850.885.799	1.775.407.904.282	1.022.972.504.766
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	4.168	1.916	10.121	5.836

Người lập



Nguyễn Việt Hùng

Kế toán trưởng



Lê Thành Liêm



Ngày 22 tháng 10 năm 2009

Tổng Giám Đốc

Mai Kiều Liên

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**(Dạng đầy đủ)****(Theo phương pháp gián tiếp)****Quý III năm 2009****MÃ SỐ B 03a-DN**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		2.015.118.184.102	1.130.431.179.970
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	2	V.11, V.12	159.154.157.513	116.279.990.662
- Các khoản dự phòng	3		(75.236.753.169)	155.417.168.231
- Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4		31.584.743.775	(4.580.430.800)
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(117.946.715.623)	(64.690.578.232)
- Chi phí lãi vay	6	VI.4	3.264.880.631	22.331.484.361
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		2.015.938.497.229	1.355.188.814.192
- Tăng giảm các khoản phải thu	9		(114.004.523.713)	131.471.171.609
- Tăng giảm hàng tồn kho	10		822.132.101.863	35.159.542.426
- Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		98.422.720.336	(270.192.593.989)
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		(24.677.860.371)	(50.376.843.538)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(2.985.414.459)	(21.923.650.432)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.10, V.21	(281.268.132.569)	(101.861.076.253)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		12.089.938.078	53.496.117.335
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(94.163.105.279)	(99.432.230.274)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		2.431.484.221.115	1.031.529.251.076
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(369.498.383.098)	(245.234.285.314)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		43.645.471.594	487.807.665
3. Tiền chi cho vay mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.191.352.500.000)	(77.100.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		280.502.301.498	3.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(39.105.870.424)	(138.805.162.475)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		134.267.250.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi	27			

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

nhuận được chia		50.731.091.012	56.556.439.113
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.090.810.639.418)	(401.095.201.011)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	3.646.400.000	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu doanh nghiệp đã phát hành	32	(154.222.000)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	71.260.000.000	171.901.500.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(185.731.077.000)	(7.472.577.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6. Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(351.280.620.000)	(347.709.580.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(462.259.519.000)	(183.280.657.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	(121.585.937.303)	447.153.393.065
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	329.545.163.667	113.526.928.226
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi Ngoại tệ	61	29.190.062	57.298.208
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	207.988.416.426	560.737.619.499

Người lập

 Nguyễn Việt Hùng

Kế toán trưởng

 Lê Thành Liêm

Lập ngày 22 tháng 10 năm 2009
 Tổng Giám Đốc

 Mai Kiều Liên

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 30 tháng 9 năm 2009

(Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Các thời điểm quan trọng liên quan đến việc hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (“Công ty”) được ghi nhận như sau:

- + Ngày 29/04/1993 : Công ty Sữa Việt Nam (loại hình Doanh Nghiệp Nhà Nước) được thành lập theo Quyết định số 420/CNN/TCLD của Bộ Công Nghiệp Nhẹ.
- + Ngày 01/10/2003 : Công ty được cổ phần hoá từ Doanh nghiệp Nhà Nước của Bộ Công Nghiệp theo Quyết định 155/2003/QĐ-BCN.
- + Ngày 20/11/2003 : Công ty đăng ký trở thành một Công Ty Cổ Phần và bắt đầu hoạt động theo Luật Doanh Nghiệp Việt Nam và được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP HCM cấp Giấy phép đăng ký kinh doanh số 4103001932 .
- + Ngày 28/12/2005 : Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép niêm yết số 42/UBCK-GPYN.
- + Ngày 19/01/2006 : Cổ phiếu của Công Ty được niêm yết trên Thị trường chứng khoán TP HCM.

Trụ sở chính theo giấy phép được đặt tại địa chỉ 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP Hồ Chí Minh.

Tại thời điểm 30/9/2009,

+ Công ty có các đơn vị phụ thuộc sau

Các chi nhánh:

- 1/ CN Công ty CP Sữa Việt Nam tại Hà Nội - Số 57 Trần Duy Hưng, Quận Cầu Giấy - TP Hà Nội
- 2/ CN Công ty CP Sữa Việt Nam tại Đà Nẵng - Lô 42 đường Triệu Nữ Vương nối dài
Phường Hải Châu 2 - Quận Hải Châu - TP Đà Nẵng .
- 3/ CN Công ty CP Sữa Việt Nam tại Cần Thơ - Số 86D Thới Bình - TP Cần Thơ.

Các nhà máy:

- 1/ Nhà máy sữa Thống Nhất - Số 12 Đặng Văn Bi, Q.Thủ Đức - TP.HCM.
- 2/ Nhà máy sữa Trường Thọ - Số 32 Đặng Văn Bi, Q.Thủ Đức, TP.HCM.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

- 3/ Nhà máy sữa Diélaç- Khu Công nghiệp Biên Hòa I, Đồng Nai.
- 4/ Nhà máy sữa Hà Nội - Xã Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội.
- 5/ Nhà máy sữa Cần Thơ - Khu Công nghiệp Trà Nóc, Cần Thơ.
- 6/ Nhà máy sữa Sài Gòn - Khu CN Tân Thới Hiệp, Q12, TP HCM.
- 7/ Nhà máy sữa Nghệ An - Đường Sào Nam, xã Nghi Thu, TX Cửa Lò. Tỉnh Nghệ An
- 8/ Nhà máy sữa Bình Định - 87 Hoàng Văn Thụ, P.Quang Trung, TP Quy Nhơn- Bình Định
- 9/ Nhà máy cà phê Sài Gòn - Khu Công nghiệp Mỹ Phước II, Tỉnh Bình Dương
- 10/ Nhà máy sữa Tiên Sơn - Khu Công nghiệp Tiên Sơn, Tỉnh Bắc Ninh

Xí nghiệp:

- + Xí nghiệp Kho Vận - Số 32 Đặng Văn Bi, Q.Thủ đức, TP.HCM.

Phòng khám:

- + Phòng khám đa khoa An Khang - 87A CMT8, Quận 1, TP HCM.

+ Công ty có các Công ty con như sau

Công ty con	Hoạt động chính	Phần vốn Công ty nắm giữ
- Công ty Cổ phần Sữa Lam Sơn	Sản xuất sữa	55%
- Công ty TNHH Một thành viên Bò Sữa Việt Nam	Sản xuất sữa	100%
- Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Bất động sản Quốc tế	Phát triển bất động sản	100%
+ Công ty Cổ phần Bất động sản Chiến Thắng – Việt Nam (Công ty con của Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Bất động sản Quốc tế)	Kinh doanh bất động sản	64,25%

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy phép đăng ký kinh doanh, công ty được phép thực hiện các lĩnh vực và ngành nghề như sau:

- a. Sản xuất và kinh doanh bánh, sữa đậu nành, nước giải khát, sữa hộp, sữa bột, bột dinh dưỡng và các sản phẩm từ sữa khác.
- b. Kinh doanh thực phẩm công nghệ, thiết bị phụ tùng, vật tư, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), nguyên liệu.
- c. Kinh doanh nhà.
- d. Môi giới, cho thuê bất động sản.
- e. Kinh doanh kho, bến bãi.
- f. Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô.
- g. Bốc xếp hàng hóa.
- h. Sản xuất, mua bán rượu, bia, đồ uống, thực phẩm chế biến, chè uống, cà phê rang-xay-phin-hòa tan (không sản xuất chế biến tại trụ sở).
- i. Sản xuất và mua bán bao bì.
- j. In trên bao bì.
- k. Sản xuất, mua bán sản phẩm nhựa (không sản xuất bột giấy, tái chế phế thải nhựa tại trụ sở).
- l. Phòng khám đa khoa.
- m. Chăn nuôi, trồng trọt, các hoạt động hỗ trợ chăn nuôi, trồng trọt .
- n. Dịch vụ sau thu hoạch
- o. Xử lý hạt giống để nhân giống

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán quý 3 bắt đầu từ ngày 01/7 và kết thúc vào ngày 30/9.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VNĐ).

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

- + Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 20/03/2006.
- + Các thông tin tài chính đã được soạn lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam -VAS 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- + Chế độ kế toán được áp dụng nhất quán với những chế độ kế toán áp dụng với báo cáo tài chính năm cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.
- + Không có Chuẩn mực Kế toán Việt Nam mới được ban hành hoặc sửa đổi có hiệu lực cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

- + Báo cáo tài chính sử dụng đơn vị tiền tệ là đồng Việt Nam (“ VNĐ”), và được soạn lập theo Chế độ Kế toán, chuẩn mực Kế toán, nguyên tắc Kế toán Việt Nam được chấp nhận chung tại Việt Nam.
- + Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền

a. Tiền và nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

- + Tiền: bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), tiền đang chuyển.
- + Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền:

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

- Các khoản tiền mặt: Căn cứ vào các phiếu thu, phiếu chi tiền mặt.
- Các khoản tiền gửi ngân hàng: Căn cứ vào Giấy báo Nợ và báo Có của Ngân hàng kết hợp với Sổ phụ hoặc bản xác nhận số dư của các ngân hàng tại từng thời điểm.
- Các khoản tiền đang chuyển: dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có.

b. Các khoản tương đương tiền:

Là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn ban đầu không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

c. Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

+ Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

- Được quy đổi theo tỷ giá thực tế áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hay chi phí tài chính trong báo cáo kết quả kinh doanh.

+ Đối với tài sản và nợ phải thu, phải trả bằng tiền có gốc ngoại tệ

- Cuối quý: Để hạn chế việc ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh do sự chênh lệch tỷ giá, Công ty đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam công bố tại ngày lập bảng cân đối kế toán (tại báo cáo quý 1/2009 công ty đánh giá lại theo tỷ giá do Ngân Hàng Ngoại Thương Việt Nam công bố). Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại này được kết chuyển vào tài khoản chênh lệch tỷ giá, số dư cuối cùng sẽ được ghi nhận vào chi phí tài chính hay doanh thu tài chính.

+ Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày:

31/12/2008 : 16.977 VNĐ/USD (theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng)

30/09/2009 : 16.991 VNĐ/USD (theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng)

3. Hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- + Hàng tồn kho được ghi nhận trên cơ sở giá gốc là giá bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

- + Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được (giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng cách lấy giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng).
- + Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên cấp độ hoạt động bình thường.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

- + Các loại nguyên vật liệu, nhiên liệu, vật tư phụ tùng, thành phẩm, công cụ, hàng hóa được áp dụng phương pháp bình quân gia quyền khi xác định giá xuất kho.
- + Hàng tồn kho trong kỳ nhập khẩu được ghi nhận tăng trong kỳ theo tỷ giá hạch toán, khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào doanh thu, chi phí tài chính.
- + Hàng tồn kho tăng giảm trong kỳ bằng các hình thức di chuyển điều kho nội bộ sẽ được hạch toán tăng theo giá hạch toán (giá điều chuyển cố định); phần chênh lệch giữa giá hạch toán và giá bình quân sẽ được hạch toán vào tài khoản chênh lệch. Cuối kỳ, phần chênh lệch sẽ được hạch toán vào hàng tồn kho hoặc giá vốn hàng bán (tùy thuộc vào tính chất xuất kho của hàng tồn kho này).

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Phương pháp kê khai thường xuyên.

d. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

- + Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo chính sách 06/CS-CTS.KSNB/2008 ban hành ngày 31/12/2008 (trên cơ sở tuân thủ Thông tư 13/2006/TT-BTC ngày 27/02/2006 của Bộ Tài Chính)

4. Các khoản phải thu thương mại, các khoản phải thu khác và cách thức lập dự phòng nợ phải thu khó đòi

- a. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu (VAS 14) về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- b. Các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ đã được xem xét, phê duyệt.
- c. Dự phòng nợ phải thu khó đòi: Được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:
 - + Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- + Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

a. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định hữu hình, vô hình:

+ TSCĐ hữu hình

- Giá trị Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên tắc: Nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá TSCĐ nhập khẩu sẽ được ghi nhận theo tỷ giá hạch toán, khoản chênh lệch tỷ giá trong quá trình mua sắm TSCĐ được hạch toán vào doanh thu, chi phí tài chính.

- Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.
- Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

+ TSCĐ vô hình

- Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...
- Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm nghiệm thu và đưa phần mềm vào sử dụng.

b. Phương pháp khấu hao:

+ TSCĐ hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Thời gian sử dụng hữu ích (liên quan đến tỷ lệ khấu hao) được thực hiện theo quyết định QĐ 908/QĐ-CTS-KT/2009 ngày 09/07/2009 do Công ty CP sữa Việt Nam ban hành cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

Nhóm loại	Thời gian (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50
Máy móc, thiết bị	8- 10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3- 8

- + Khấu hao của TSCĐ được ghi nhận ngay trong tháng: sẽ được tính nguyên tháng nếu tăng trước ngày 15, và khấu hao ½ tháng nếu ghi nhận tăng sau ngày 15.
- + TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất vô thời hạn không áp dụng trích khấu hao. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 3 năm.

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- + Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên doanh, liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.
- + Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.
- + Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.
- + Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào doanh thu tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

- + Chi phí trả trước: Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo chi phí ngắn hạn và dài hạn.
- + Phương pháp phân bổ chi phí trả trước tuân thủ theo nguyên tắc :
 - Theo thời gian hữu dụng xác định: phương pháp này áp dụng cho các khoản tiền thuê nhà, thuê đất trả trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

- Theo thời gian hữu dụng quy ước: phương pháp này áp dụng cho các khoản chi phí quảng cáo, chi phí sửa chữa lớn, công cụ dụng cụ phân bổ...

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

- + Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.
- + Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:
 - Chi phí khuyến mãi phải trả: được trích trước chi phí theo tiến độ chương trình (chủ yếu theo tiêu thức doanh thu)
 - Chi phí quảng cáo phải trả: được trích theo tiến độ và thời hạn của các hợp đồng thực hiện.
 - Chi phí thuê nhà, đất phải trả: trích trước theo thời gian thực hiện của hợp đồng.
 - Chi phí sửa chữa lớn trích trước theo kế hoạch sửa chữa lớn được duyệt.
 - Các chi phí phải trả khác theo nội dung hợp đồng quy định.

9. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

- + Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp mất việc. Mức trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được áp dụng tại công ty là 1% trên quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động mất việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- + Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông.
- + Thặng dư vốn cổ phần: là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu.
- + Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế được phân phối như sau:

- Quỹ đầu tư phát triển 10% lợi nhuận sau thuế.
- Quỹ khen thưởng phúc lợi 10% lợi nhuận sau thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

- Quỹ dự phòng tài chính 5% lợi nhuận sau thuế (tối đa bằng 10% vốn chủ sở hữu).

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và doanh thu tài chính

- + Đối với hàng hóa, thành phẩm: Doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.
- + Đối với dịch vụ: Doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.
- + Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.
 - Tiền lãi: Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.
 - Cổ tức và lợi nhuận được chia: Doanh thu được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- + Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:
 - Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
 - Lỗ đầu tư chứng khoán : được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.
- + Chi phí đi vay: ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- + Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh
- + Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá dùng hạch toán và tỷ giá thực tế thanh toán.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập hoãn lại

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

- + Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm: chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại khi xác định lãi hoặc lỗ trong một kỳ.
 - Chi phí thuế thu nhập hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành.
 - Chi phí thuế thu nhập hoãn lại: Là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.
- + Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với thu nhập theo kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa thuế và kế toán.
- + Thuế thu nhập hoãn lại phải trả là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.
- + Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.
- + Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.
- + Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 15% đến 25% trên lợi nhuận chịu thuế, tùy theo địa điểm hoạt động của các nhà máy.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	617.032.585	543.529.901
- Tiền gửi ngân hàng	201.448.212.106	121.959.470.098
- Tiền đang chuyển	5.923.171.735	1.784.782.343
- Các khoản tương đương tiền	-	205.257.381.325
• Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	-	205.257.381.325
• Trái phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu	-	-
Cộng	<u>207.988.416.426</u>	<u>329.545.163.667</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	176.126.451.992	182.633.322.070
• Cổ phiếu	172.886.451.992	180.228.322.070
• Trái phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu	3.240.000.000	2.405.000.000
- Đầu tư ngắn hạn khác	1.816.668.700.000	314.364.750.000
• Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 năm trở xuống	1.816.668.700.000	106.396.500.000
• Đầu tư ngắn hạn khác	-	207.968.250.000
Cộng	<u>1.992.795.151.992</u>	<u>496.998.072.070</u>

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(80.393.982.400)	(122.995.786.378)
- Dự phòng cho các khoản đầu tư ngắn hạn khác	-	-
Cộng	<u>(80.393.982.400)</u>	<u>(122.995.786.378)</u>

4. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Khách hàng trong nước	397.713.811.308	374.556.082.231
- Khách hàng nước ngoài	164.853.177.555	155.577.648.589
Cộng	<u>562.566.988.863</u>	<u>530.133.730.820</u>

5. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tài sản thiếu chờ xử lý	48.215.012	-
- Lãi tiền gửi phải thu	23.091.174.918	9.682.758.839

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Cổ tức, trái tức và lợi nhuận được chia	4.952.097.723	10.708.531.889
- Cho vay ngắn hạn	2.500.000.000	2.500.000.000
- Thuế Nhập Khẩu còn được hoàn	7.166.496.307	11.904.998.960
- NH TMCP Bảo Việt	-	3.200.000.000
- Hỗ trợ, bồi thường từ Nhà cung cấp	6.687.684.251	741.940.306
- Phải thu khác	5.638.915.822	4.669.351.617
Cộng	<u>50.084.584.033</u>	<u>43.407.581.611</u>
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	(233.913.467)	(106.233.844)
• <i>Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm</i>	(102.694.933)	(106.233.844)
• <i>Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm</i>	(49.105.065)	-
• <i>Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm</i>	(82.113.469)	-
- Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	(31.873.945)	(26.875.568)
Cộng	<u>(265.787.412)</u>	<u>(133.109.412)</u>
7. Hàng tồn kho		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Hàng mua đang đi trên đường	70.156.020.575	219.323.280.857
- Nguyên vật liệu, nhiên liệu, vật tư kỹ thuật	556.337.907.259	1.220.192.494.161
- Công cụ, dụng cụ	762.563.353	5.369.397.671
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	97.992.122.312	95.901.845.468
- Thành phẩm	212.719.524.086	215.875.926.000
- Hàng hóa	5.796.588.072	10.709.679.756
- Hàng gửi đi bán	-	-
Cộng	<u>943.764.725.657</u>	<u>1.767.372.623.913</u>
8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nguyên vật liệu	(10.161.741.817)	(7.198.095.372)
- Công cụ, dụng cụ, vật tư kỹ thuật	(1.907.304.071)	(3.728.140.954)
- Thành phẩm	(3.622.726)	(901.295.089)
- Hàng hóa	(61.747.736)	(185.642.741)
Cộng	<u>(12.134.416.350)</u>	<u>(12.013.174.156)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
- Chi phí triển khai phần mềm, bảo trì mạng	1.641.491.395	13.924.833.348	9.627.994.676		5.938.330.067
- Chi phí quảng cáo	7.873.032.531	26.853.683.768	22.160.000.274		12.566.716.025
- Chi phí tư vấn pháp lý		1.315.358.075	1.015.633.738		299.724.337
- Chi phí tu động, tu mát	8.493.035.020	3.514.613.086	9.521.565.819		2.486.082.287
- Chi phí thuê đất, nhà xưởng, VP, ụ kệ	5.990.898.361	16.541.030.594	13.609.894.207		8.922.034.748
- Chi phí vật liệu, công cụ, dụng cụ	2.021.706.782	7.455.602.739	7.757.702.306		1.719.607.215
- CP cải tạo, sửa chữa lớn	1.876.705.301	10.461.416.042	4.786.538.410	1.481.411.158	6.070.171.775
- Chi phí khác	3.221.079.867	50.987.497.850	33.479.394.358		20.729.183.359
Cộng	<u>31.117.949.257</u>	<u>131.054.035.502</u>	<u>101.958.723.788</u>	<u>1.481.411.158</u>	<u>58.731.849.813</u>

10. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tạm nộp tiền Thuế thu nhập doanh nghiệp	226.000.000.000	-
Cộng	<u>226.000.000.000</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
+Số đầu năm	455.650.595.302	1.687.125.974.430	248.052.050.175	88.443.992.308	2.479.272.612.215
+Tăng trong kỳ					
-Mua sắm mới	2.668.873.545	18.706.682.914	21.332.435.309	10.499.641.812	53.207.633.580
-Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	5.201.428.574	237.917.882.186	69.037.512.612	7.736.814.244	319.893.637.616
-Phân loại lại	1.677.799.940	(1.660.111.940)	-	(17.688.000)	-
-Tăng khác	-	-	-	-	-
+Giảm trong kỳ					
-Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
-Thanh lý, nhượng bán	-	598.998.083	5.942.745.884	848.819.995	7.390.563.962
-Giảm khác	-	-	-	-	-
+Số cuối kỳ	465.198.697.361	1.941.491.429.507	332.479.252.212	105.813.940.369	2.844.983.319.449
Giá trị hao mòn					
+Số đầu năm	131.965.071.447	782.441.777.259	92.223.537.057	59.116.963.250	1.065.747.349.013
+Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
-Khấu hao trong kỳ	15.624.973.591	100.670.509.883	18.664.993.843	13.263.349.632	148.223.826.949
-Phân loại lại	97.871.662	(97.871.662)	-	-	-
-Tăng khác	-	-	-	-	-
+Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
-Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
-Thanh lý, nhượng bán	-	598.998.083	2.364.862.959	848.819.995	3.812.681.037
-Giảm khác	-	-	-	-	-
+Số cuối kỳ	147.687.916.700	882.415.417.397	108.523.667.941	71.531.492.887	1.210.158.494.925
+Giá trị còn lại					
+Số đầu năm	323.685.523.855	904.684.197.171	155.828.513.118	29.327.029.058	1.413.525.263.202
+Số cuối kỳ	317.510.780.661	1.059.076.012.110	223.955.584.271	34.282.447.482	1.634.824.824.524

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Bản quyền, bằng sáng chế</u>	<u>Nhãn hiệu hàng hóa</u>	<u>Phần mềm máy vi tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
+Số đầu năm	19.899.547.200	-	-	43.665.730.117	63.565.277.317
+Tăng trong kỳ					
-Mua trong kỳ	-	-	-	2.923.582.480	2.923.582.480
-Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-	-
-Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-
-Tăng khác	-	-	-	-	-
+Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
-Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
-Giảm khác	-	-	-	-	-
+Số cuối kỳ	19.899.547.200	-	-	46.589.312.597	66.488.859.797
Giá trị hao mòn					
+Số đầu năm	11.608.069.186	-	-	16.939.838.993	28.547.908.179
+Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
-Khấu hao trong kỳ	-	-	-	10.930.330.564	10.930.330.564
-Tăng khác	-	-	-	-	-
+Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
-Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
-Giảm khác	-	-	-	-	-
+Số cuối kỳ	11.608.069.186	-	-	27.870.169.557	39.478.238.743
+Giá trị còn lại					
-Số đầu năm	8.291.478.014	-	-	26.725.891.124	35.017.369.138
+Số cuối kỳ	8.291.478.014	-	-	18.719.143.040	27.010.621.054

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
+Số dư đầu năm	356.202.256.416	598.307.343.777
+Tăng trong kỳ	334.801.328.569	248.823.230.068
+Chuyển sang TSCĐ hữu hình	319.893.637.616	487.894.235.104
+Chuyển sang TSCĐ vô hình	-	16.440.727.475
+Thanh lý	42.038.869.770	-
+Số dư cuối kỳ	329.071.077.599	342.795.611.266

Trong đó có các công trình lớn là :

Hệ thống ERP II	-	12.882.871.495
MMTB cho trại bò Nghệ An	-	17.312.651.752
Dây chuyền máy rót A 3 Flex TPA 330	41.145.249.781	-
Dây chuyền cà phê hòa tan E&E	-	161.370.606.852
Trang trại bò sữa Nhơn Tân	4.627.478.541	4.175.106.283

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

Trang trại bò sữa Nghệ An	19.150.998.505	11.659.819.710
Xây kho NM sữa Hà Nội	36.791.156.178	952.591.287
Mở rộng nhà máy sữa Hà Nội	17.650.828.933	8.518.121.706
Dự án mở rộng NMS Tiên Sơn	38.761.718.962	-
VNM Tower - Phần xây dựng và chi phí DA	62.090.070.815	-
Tòa nhà văn phòng CN Cần Thơ	38.271.233.375	36.659.360.000
Máy phân tích sữa nhanh cho NM Sữa Trường Thọ, Sài Gòn & Hà Nội	-	5.415.393.750
Máy dán nắp nhôm	-	19.978.971.328
Lắp đặt máy móc thiết bị - NM sữa Tiên Sơn	-	18.944.930.021
26 xe tải nhẹ CN Hà Nội	-	3.649.904.778
Lắp máy rút nước trái cây FFS ASEPACK 32/8	42.371.366.680	-
Hệ thống xử lý nước cấp 80m3/h - Dự án Tiên Sơn	-	4.353.286.809
XDCB NM sữa Đà Nẵng	235.727.273	4.884.206.645
Các công trình khác	27.975.248.556	32.037.788.850

14. Đầu tư vào công ty con

Tên công ty con	Tỷ lệ cổ phần sở hữu		Vốn đầu tư
	Theo giấy phép	Thực góp	
- Công ty TNHH Một thành viên Bò Sữa Việt Nam	100,00%	100,00%	100.000.000.000
- Công ty Cổ phần Sữa Lam Sơn	55,00%	55,00%	44.000.000.000
- Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư BĐS Quốc tế	100,00%	100,00%	30.800.000.000
Cộng			174.800.000.000

15. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty liên kết, liên doanh	Tỷ lệ cổ phần sở hữu		Vốn đầu tư
	Theo giấy phép	Thực góp	
- Căn hộ Horizon - Hợp đồng hợp tác kinh doanh	24,50%	24,50%	7.492.684.826
- Trang trại mẫu Campina - Hợp đồng kinh doanh đồng kiểm soát	25,00%	25,00%	7.209.270.725
- Công ty CP Nguyên liệu thực phẩm Á Châu Sài Gòn - Công ty liên kết	20,00%	20,00%	9.000.000.000
Cộng			23.701.955.551

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

16. Đầu tư dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Đầu tư cổ phiếu	348.247.293.440	339.767.313.800
- Đầu tư trái phiếu	200.000.000.000	3.240.000.000
- Đầu tư tín phiếu, kỳ phiếu	256.459.500.000	
- Đầu tư dài hạn khác	122.800.000.000	152.800.000.000
Cộng	<u>927.506.793.440</u>	<u>495.807.313.800</u>

17. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn	(74.730.804.242)	
- Dự phòng khoản lỗ của các công ty con	(7.731.463.351)	(7.303.886.978)
- Dự phòng khoản lỗ của các công ty liên kết, liên doanh		(108.047.250.000)
Cộng	<u>(82.462.267.593)</u>	<u>(115.351.136.978)</u>

18. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
- Tiền thuê đất, Cơ sở hạ tầng	193.914.048.807			3.915.499.718	189.998.549.089
- Chi phí tử đồng tử mất		4.986.321.728		3.547.713.086	1.438.608.642
- Chi phí trả trước dài hạn khác	1.424.059.254	2.004.067.058		2.463.216.167	964.910.145
Cộng	<u>195.338.108.061</u>	<u>6.990.388.786</u>		<u>9.926.428.971</u>	<u>192.402.067.876</u>

19. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vay ngắn hạn ngân hàng	67.964.000.000	178.258.500.000
- Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.24)	9.963.436.000	9.963.436.000
Cộng	<u>77.927.436.000</u>	<u>188.221.936.000</u>

20. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nhà cung cấp nội địa	283.058.665.076	214.465.599.922
- Nhà cung cấp nước ngoài	112.179.223.281	267.809.425.037

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nhà phân phối	4.784.042.541	9.637.044.746
Cộng	400.021.930.898	491.912.069.705

21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	6.750.505.816	368.123.817.987	330.672.892.089	44.201.431.714
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	6.087.266.692	162.757.911.870	159.307.022.500	9.538.156.062
- Thuế xuất, nhập khẩu	2.341.093.579	71.615.995.912	68.569.156.194	5.387.933.297
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	35.526.596.060	261.506.347.517	55.268.132.569	241.764.811.008
- Thuế thu nhập cá nhân	13.176.918.131	4.136.309.119	14.982.361.802	2.330.865.448
- Thuế tài nguyên	6.412.620	105.207.670	100.795.850	10.824.440
- Thuế nhà đất	-	83.310.984	83.310.984	-
- Tiền thuê đất	-	1.139.700.187	1.081.319.437	58.380.750
- Các loại thuế khác	264.400.641	3.233.327.985	3.497.728.626	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	267.511.903	267.511.903	-
Cộng	64.153.193.539	872.969.441.134	633.830.231.954	303.292.402.719

22. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Khuyến mãi, hỗ trợ, thưởng bán hàng cho khách hàng	117.763.454.975	106.701.087.846
- Chi phí quảng cáo	41.885.508.878	21.470.581.127
- Chi phí vận chuyển	13.935.123.336	5.139.294.140
- Chi phí xuất khẩu	147.700.028	45.346.969
- Chi phí bảo trì và sửa chữa	7.151.640.828	1.531.249.695
- Chi phí phải trả khác	8.920.259.710	8.767.766.319
Cộng	189.803.687.755	143.655.326.096

23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	476.173.134	384.100
- Kinh phí công đoàn	-	477.869.598
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	15.426.400.000	6.047.400.000
- Phải trả khác về đầu tư tài chính	4.463.509.757	2.047.962.757
- Thuế Nhập khẩu phải trả (SX – Hàng XK)	10.205.900.583	15.906.265.295
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.627.149.274	18.506.089.613
Cộng	37.199.132.748	42.985.971.363

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘCho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

24. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	14.945.154.000	22.417.731.000
Cộng	<u>14.945.154.000</u>	<u>22.417.731.000</u>

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

- Từ 1 năm trở xuống	9.963.436.000
- Trên 1 năm đến 5 năm	14.945.154.000
- Trên 5 năm	-
Tổng nợ	<u>24.908.590.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

25. Vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khen thưởng phúc lợi	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
A	1	2		3	4	5	6	9
Số dư đầu năm trước	1.752.756.700.000	1.064.948.051.177	-	744.541.696.836	136.312.134.839	91.622.417.265	525.757.147.704	4.315.938.147.821
- Tăng vốn năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	1.251.553.307.856	1.251.553.307.856
- Trích lập các quỹ	-	-	-	125.155.330.786	38.963.535.161	125.155.330.786	(289.274.196.733)	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	3.783.738.872	-	3.783.738.872
- Cổ tức	-	-	-	-	-	2.841.760.000	(683.575.113.000)	(680.733.353.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	(127.205.195.784)	-	(127.205.195.784)
Số dư đầu năm nay	1.752.756.700.000	1.064.948.051.177	-	869.697.027.622	175.275.670.000	96.198.051.139	804.461.145.827	4.763.336.645.765
- Tăng vốn trong kỳ	1.759.896.300.000	(1.064.948.051.177)	-	-	-	-	(691.301.848.823)	3.646.400.000
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	-	1.775.407.904.282	1.775.407.904.282
- Trích lập các quỹ	-	-	-	789.546.242.669	12.217.454.438	177.540.790.429	(979.304.487.536)	-
- Tăng khác	-	-	(154.222.000)	-	-	-	-	(154.222.000)
- Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(351.280.620.000)	(351.280.620.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	(95.007.679.644)	-	(95.007.679.644)
Số dư cuối kỳ	3.512.653.000.000	-	(154.222.000)	1.659.243.270.291	187.493.124.438	178.731.161.924	557.982.093.750	6.095.948.428.403

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Tỷ lệ(*)</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tỷ lệ</u>
- Vốn đầu tư của Nhà nước	1.672.022.828.000	47,60%	834.312.189.200	47,60%
- Vốn góp của Nước ngoài	1.506.928.137.000	42,90%	781.378.936.860	44,58%
- Vốn góp của nhà đầu tư trong nước	333.702.035.000	9,50%	137.065.573.940	7,82%
- Thặng dư vốn cổ phần	-	-	1.064.948.051.177	-
- Cổ phiếu ngân quỹ	(154.222.000)	-	-	-
Cộng	<u>3.512.498.778.000</u>		<u>2.817.704.751.177</u>	

(*) Theo nguồn Bản tin thị trường chứng khoán ngày 01/10/2009

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	7.917.512.794.187	6.111.103.070.015
• Doanh thu bán hàng hóa	83.773.749.444	85.693.594.810
• Doanh thu bán thành phẩm	7.820.340.874.037	6.018.106.848.059
• Doanh thu cung cấp dịch vụ	13.398.170.706	7.302.627.146
Các khoản giảm trừ doanh thu:	150.717.960.040	131.963.591.646
• Chiết khấu thương mại	143.526.397.770	107.058.469.133
• Giảm giá hàng bán	-	-
• Hàng bán bị trả lại	7.191.562.270	24.905.122.513
Doanh thu thuần	<u>7.766.794.834.147</u>	<u>5.979.139.478.369</u>
Trong đó:		
• Doanh thu thuần bán hàng hóa, thành phẩm	7.753.396.663.441	5.971.836.851.223
• Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	13.398.170.706	7.302.627.146

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	69.704.347.382	74.362.580.531
- Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	4.863.412.238.217	3.964.302.795.921
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.446.312.876	1.122.996.219
- Chi phí hao hụt, mất mát hàng tồn kho	3.259.956	23.073.073
- Các khoản chi phí vượt mức bình thường	20.326.011.526	10.295.599.463
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	<u>317.355.447</u>	<u>(5.526.230.572)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

Cộng	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
	<u>4.956.209.525.404</u>	<u>4.044.580.814.635</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi có kỳ hạn	56.635.897.333	35.255.432.132
- Lãi tiền gửi không kỳ hạn	2.580.280.507	2.532.459.041
- Lãi trái phiếu	3.292.824.087	2.000.240.000
- Lãi tiền cho vay	8.286.793	100.870.420
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	8.598.804.850	19.183.900.969
- Cổ phiếu thưởng	1.665.730.000	5.205.360.000
- Lãi đầu tư chứng khoán	10.970.972.562	119.553.118.562
- Lãi chênh lệch tỷ giá	87.025.374.910	32.656.561.580
- Khác	37.958.255.587	102.439.561
Cộng	<u>208.736.426.629</u>	<u>216.590.382.265</u>

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
- Lãi vay ngân hàng	1.268.605.705	18.847.539.720
- Lãi vay các tổ chức khác, lãi ký quỹ	1.996.274.926	3.483.944.641
- Phí giao dịch mua bán chứng khoán	72.644.466	515.420.758
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	97.253.541.562	35.008.005.822
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn	(42.601.803.978)	79.446.086.478
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	(38.199.126.039)	82.243.851.968
- Khác	-	-
Cộng	<u>19.790.136.642</u>	<u>219.544.849.387</u>

5. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
- Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	4.213.950.368	536.000.004
- Thu thanh lý XDCB	42.038.869.770	-
- Thu thanh lý phế liệu, CCDC, VTKT	27.967.555.335	40.660.954.730
- Thu nhập từ bán và thuê lại tài sản	-	-
- Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	1.753.215.526	2.857.063.078
- Các khoản thu nhập được hỗ trợ từ nhà cung cấp	42.868.085.310	47.941.656.448

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Thu từ các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ	-	-
- Thu từ các khoản thuế được hoàn	213.077.335	2.563.143.600
- Thu nhập do hoàn nhập CP trích trước của năm trước không sử dụng hết	392.660.407	49.596.315
- Thu nhập khác	1.537.539.043	705.577.143
Cộng	<u>120.984.953.094</u>	<u>95.313.991.318</u>

6. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	3.577.882.925	177.931.556
- Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	2.195.454	48.192.339
- Giá trị XD CB thanh lý	42.038.869.770	-
- Giá trị VTKT, CCDC thanh lý	175.141.678	934.013.555
- Chi phạt do vi phạm hợp đồng	-	423.241.099
- Thuế bị phạt, bị truy thu	118.561.476	-
- Chi phí khác	152.418.453	618.383.533
Cộng	<u>46.065.069.756</u>	<u>2.201.762.082</u>

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.775.407.904.282	1.022.972.504.766
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
• <i>Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
• <i>Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu với giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
• <i>Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của cổ phiếu phổ thông hoặc các khoản thanh toán khác thực hiện theo điều kiện chuyển đổi có lợi</i>	-	-
• <i>Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi với giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu</i>	-	-
	<u>-</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.775.407.904.282	1.022.972.504.766
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	175.425.030	175.275.670
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>10.121</u>	<u>5.836</u>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	175.275.670	175.275.670
- Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 10 tháng 6 năm 2009	150.931	-
- Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại 03/09/09	(1.571)	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	<u>175.425.030</u>	<u>175.275.670</u>

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.701.633.163.092	4.098.384.445.568
- Chi phí nhân công	331.427.034.826	268.030.993.481
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	159.154.157.513	116.316.994.071
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	251.194.479.643	183.299.945.961
- Chi phí khác	684.608.097.034	619.024.963.844
Cộng	<u>6.128.016.932.108</u>	<u>5.285.057.342.925</u>

Trong đó bao gồm :

Chi phí sản xuất :

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.679.223.315.578	4.073.648.389.362
- Chi phí nhân công	179.327.569.920	154.303.639.954
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	116.414.851.182	90.406.183.933
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	79.653.423.285	62.834.609.559
- Chi phí khác	14.064.474.177	9.579.274.238
Cộng	<u>5.068.683.634.142</u>	<u>4.390.772.097.046</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
- Chi phí cho nhân viên	95.295.054.053	62.429.199.442
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	17.653.429.844	21.027.306.067
- Chi phí dụng cụ đồ dùng bán hàng	11.442.163.444	8.312.489.299
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.268.372.727	4.626.579.400
- Chi phí bảo hành	3.737.955.300	475.566.392
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	110.246.278.080	72.221.571.141
- Chi phí khác bằng tiền	608.667.337.497	553.686.773.859
Cộng	862.310.590.945	722.779.485.600

Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
- Chi phí cho nhân viên	56.804.410.853	51.298.154.085
- Chi phí vật liệu quản lý	4.756.417.670	3.708.750.139
- Chi phí đồ dùng văn phòng	3.266.185.710	8.417.066.357
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	27.470.933.604	21.284.230.738
- Thuế, phí, lệ phí	2.296.199.546	1.897.752.483
- Chi phí dự phòng	132.678.000	3.907.591.945
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	61.294.778.278	48.243.765.261
- Chi phí khác bằng tiền	41.001.103.360	32.748.449.271
Cộng	197.022.707.021	171.505.760.279

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các khoản chi cho các chức trách quản lý chủ chốt

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lương và các quyền lợi gộp khác	23.619.628.064	27.527.785.000

Cho mục đích công bố thông tin về các bên liên quan, các chức trách quản lý chủ chốt bao gồm các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

2. Thông tin về bộ phận

CHỈ TIÊU	Quý III năm 2009		Lũy kế 9 tháng đầu năm 2009	
	Nội địa	Xuất khẩu	Nội địa	Xuất khẩu
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.726.837.377.660	334.236.585.197	7.025.759.328.933	891.753.465.254
2. Các khoản giảm trừ	56.738.499.992	-	150.717.960.040	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 – 03)	2.670.098.877.668	334.236.585.197	6.875.041.368.893	891.753.465.254
4. Giá vốn hàng bán	1.631.034.300.068	230.968.580.217	4.329.957.915.406	626.251.609.998
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 – 11)	1.039.064.577.600	103.268.004.980	2.545.083.453.487	265.501.855.256

CHỈ TIÊU	Quý III năm 2008		Lũy kế 9 tháng đầu năm 2008	
	Nội địa	Xuất khẩu	Nội địa	Xuất khẩu
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.066.720.200.634	111.682.359.173	5.396.167.907.973	714.935.162.042
2. Các khoản giảm trừ	55.588.368.801	-	131.963.591.646	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 – 03)	2.011.131.831.833	111.682.359.173	5.264.204.316.327	714.935.162.042
4. Giá vốn hàng bán	1.351.102.487.232	82.538.631.115	3.516.860.061.496	527.720.753.139
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 – 11)	660.029.344.601	29.143.728.058	1.747.344.254.831	187.214.408.903

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

3. Các sự kiện hoặc giao dịch trọng yếu trong kỳ kế toán giữa niên độ:

+ Ngày 2/7/2009 Công ty đã chính thức niêm yết bổ sung 364.640 cổ phiếu (loại phổ thông) đây là số cổ phiếu phát hành cho CBCNV với tổng giá trị chứng khoán niêm yết là : 3.646.400.000 đồng.

+ Ngày 20/08/2009 Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2009 của Công ty đã nhất trí thông qua việc phát hành và niêm yết cổ phiếu thưởng cho cổ đông với tỷ lệ 1:1 và ngày đăng ký cuối cùng là 22/09/2009, dự kiến phát hành thêm là 175.624.990 cổ phiếu với tổng mệnh giá là : 1.756.249.900.000 đồng với nguồn vốn để phát hành cổ phần từ thặng dư vốn : 1.064.948.051.177 đồng và lợi nhuận giữ lại là : 691.301.848.813 đồng.

Người lập

Nguyễn Việt Hùng

Kế toán trưởng

Lê Thành Liêm

22 tháng 10 năm 2009
Tổng Giám Đốc

Mai Kiều Liên